

# VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CHÍNH TRỊ TRONG BẦU CỬ HẠ NGHỊ VIỆN ANH QUỐC

Ths. Trịnh Thị Xuyên  
*Viện Chính trị học  
Học viện CTQG Hồ Chí Minh*

Trong các nền dân chủ đại diện, bầu cử là phương thức để hình thành nên nhà nước. Bầu cử góp phần củng cố tính chính đáng của nhà nước theo nghĩa nhân dân tự nguyện chấp thuận một Chính phủ được hình thành theo những quy trình đã được thiết lập. Thông qua hệ thống bầu cử của mỗi nước, người ta biết Chính phủ của nước đó được thành lập trực tiếp bởi các cử tri hay gián tiếp thông qua các nghị sĩ được bầu của cơ quan lập pháp. Nước Anh nổi bật với mô hình chính thể Nghị viện. Hệ thống bầu cử được sử dụng để bầu ra các Hạ nghị sĩ và gián tiếp thiết lập nên Chính phủ của đảng đa số trong Hạ Nghị viện.

Do lịch sử hình thành và đặc điểm của hệ thống chính trị, Anh áp dụng hệ thống bầu cử đa số tương đối, đơn vị bầu cử một thành viên. Người chiến thắng là “người đầu tiên chạm mốc”. Theo quy định, Đảng nào giành được đa số phiếu ở Hạ viện có quyền thành lập Chính phủ. Lãnh đạo đảng đương nhiên trở thành Thủ tướng Chính phủ. Có thể nói đảng chính trị là trụ cột của quá trình bầu cử trong tất cả các nền dân chủ, nhưng có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống Chính phủ Nghị viện của Anh.

Hệ thống chính trị Anh được xếp vào mô hình hai đảng nổi trội. Tuy là hệ thống chính trị đa nguyên có nhiều đảng cạnh tranh tham gia bầu cử, nhưng trong suốt chiều dài lịch sử hầu như chỉ có hai đảng lớn là đảng Bảo Thủ và Đảng Lao động thay nhau cầm quyền. Các đảng nhỏ chỉ giành được số phiếu ít ỏi và do đó không thể có được đa số ghế ở Hạ viện. Vai trò của đảng chính trị trong bầu cử Hạ Nghị viện ở Anh được thể hiện tập trung trên các lĩnh vực sau:

## 1. Lựa chọn và cung cấp các ứng cử viên cho Hạ viện

Giống như các nền dân chủ Nghị viện, Anh không có một cuộc bầu cử đại cử tri mà mỗi đảng có một quy trình riêng để lựa chọn ứng cử viên ra tranh cử vào Hạ viện. Ở ba đảng lớn nhất, các nhà hoạt động đảng chuyên nghiệp và các đảng viên đóng đảng phí ở mỗi khu vực bầu cử sẽ lựa chọn các ứng cử viên ra tranh cử ở khu vực bầu cử của mình. Đối với các đảng nhỏ hơn, có ít các thành viên đảng đóng đảng phí, quy trình lựa chọn có xu hướng bị kiểm soát chặt chẽ hơn bởi tầng lớp tinh hoa hoạt động đảng chuyên nghiệp.

Việc lựa chọn các ứng cử viên mỗi khu vực bầu cử có vai trò quyết định đến kết quả thắng - thua của các đảng. Vì vậy, công việc này được thực hiện rất công phu và mang tính chuyên nghiệp. Các ứng cử viên khu vực bầu cử được tổ chức đảng khu vực bầu cử xem xét, quyết định. Sau đó hồ sơ về các ứng cử được cơ quan trung ương đảng xem xét cẩn thận và phỏng vấn riêng nếu cần. Trong khi cơ quan trung ương đảng hiếm khi áp đặt các ứng cử viên của mình tham gia bầu cử ở khu vực địa phương thì tất cả các ứng cử viên được bầu chọn bởi đảng khu vực bầu cử phải được sự chấp thuận của các cơ quan trung ương. Kết quả là các ứng cử viên vào Hạ viện - cũng như các thành viên MPs có xu hướng phụ thuộc vào giới lãnh đạo đảng hơn so với các ứng cử viên của Quốc hội Mỹ. Nếu như giới lãnh đạo đảng từ chối một ứng cử viên, thì người này sẽ không thể chạy đua vào Nghị viện với tư cách là ứng cử viên chính thức của đảng. Một nghiên cứu về động cơ của việc lựa chọn ứng cử viên cho thấy, đảng lựa chọn các ứng cử viên vì khả năng giành phiếu chiến thắng của họ chứ không phải vì những lý do thuộc về tư tưởng hay bất kỳ lý do nào khác.

Ở đảng Lao động và đảng Bảo thủ, đảng viên nào muốn tranh cử vào Hạ viện phải được uỷ ban bầu cử đảng phỏng vấn, tranh luận, thảo luận và xếp loại khả năng phù hợp của họ ở khu vực bầu cử mà họ muốn đại diện. Nếu một khu vực bầu cử được coi là an toàn cho một đảng thì số đảng viên đưa ra để lựa chọn ứng cử viên là một số lượng lớn từ

25 đến 100 đảng viên. Nhưng nếu vị trí của các nghị sĩ không chắc chắn thắng, thì số lượng đảng viên đưa ra để lựa chọn thường ít hơn. Uỷ ban bầu cử sẽ đưa ra một danh sách ngắn thường từ 2 đến 10 ứng cử viên. Việc quyết định danh sách ngắn quan trọng này được thực hiện bởi một nhóm rất nhỏ: Uỷ ban bầu cử tại khu vực bầu cử bao gồm chỉ khoảng 10 - 12 nhà hoạt động địa phương của đảng Bảo thủ, và khoảng 20 nhà hoạt động địa phương của đảng Lao động.

Trong khi đó cơ quan trung ương của các đảng chính đóng một vai trò thụ động hơn trong quá trình lựa chọn ứng cử viên. Hồ sơ về các ứng cử viên trong lai vào Hạ viện được cơ quan trung ương xem xét cẩn thận và phỏng vấn riêng một số ứng cử viên. Cơ quan trung ương hiếm khi áp đặt các ứng cử viên của mình tham gia bầu cử ở khu vực địa phương, nhưng cả các ứng cử viên được cơ quan đảng khu vực bầu cử chọn ra phải được sự chấp thuận của cơ quan trung ương. Kết quả là các ứng cử viên vào Hạ viện - cũng như các thành viên Nghị viện có xu hướng phụ thuộc vào giới lãnh đạo đảng hơn so với các ứng cử viên của Quốc hội Mỹ. Nếu như giới lãnh đạo đảng từ chối một ứng cử viên, thì ứng cử viên đó sẽ không thể chạy đua vào Nghị viện với tư cách là ứng cử viên chính thức của đảng. Một nghiên cứu về động cơ của việc lựa chọn ứng cử viên cho thấy rằng, các đảng lựa chọn các ứng cử viên vì khả năng giành phiếu chiến thắng của họ chứ không phải vì những lý do thuộc về tư tưởng hay bất kỳ lý do nào khác.

Tất cả các ứng cử viên tham gia tranh cử Nghị viện phải đặt cọc một khoản 500 Bảng Anh. Nếu họ không giành được 5% số phiếu tại khu vực bầu cử của mình thì sẽ bị mất khoản tiền trên và nó được sung vào ngân khố quốc gia<sup>1</sup>. Trong hầu hết các trường hợp, các đảng sẽ trả khoản đặt cọc bị mất này. Đây cũng là một dấu hiệu khác về sự ràng buộc về tài chính giữa các ứng cử viên và đảng mà họ đại diện.

## 2. Lựa chọn lãnh đạo đảng

Ở nước Anh việc lựa chọn lãnh đạo đảng rất quan trọng. Bởi vì bầu cử Hạ Nghị viện cũng có nghĩa gián tiếp bầu ra Thủ tướng. Đảng nào chiếm đa số ghế ở Hạ viện sẽ thành lập Chính phủ và lãnh đạo của đảng đó chắc chắn sẽ trở thành Thủ tướng. Đảng không chiếm được đa số sẽ thành lập nội các bóng.

Trong hệ thống Nghị viện Anh, Thủ tướng tương lai phải là thành viên của Hạ viện. Vì vậy không phải bất cứ một nhà chính trị nào đó cũng có thể trở thành lãnh đạo của một đảng, hay người đứng đầu Chính phủ lại chưa có có kinh nghiệm nghị trường. Lãnh đạo đảng ít kinh nghiệm nhất là William Hague, người đã được bầu là lãnh tụ đảng Bảo thủ năm 1997 (35 tuổi) để nối tiếp Thủ tướng Major, nhưng Hague cũng đã làm việc ở Nghị viện 8 năm trước khi được bầu. Trong khi ở nước Mỹ, có thể trở thành Tổng thống kể cả chưa làm việc ở Quốc hội hay

Chính phủ. Điều kiện đầu tiên cho ứng cử viên nào muốn vào Hạ viện Anh là phải có được sự chỉ định chính thức của đảng chính trị, đứng ở cương vị là đại diện của đảng đó. “Từ 1945 đến nay có khoảng 96% Hạ nghị sĩ là của đảng Lao động và Bảo thủ, chỉ có 4 trường hợp tái đắc cử vào Nghị viện một cách độc lập, trong đó có 3 thành viên đảng Lao động bất đồng với chính sách đảng và một thành viên thuộc đảng Bảo thủ”<sup>2</sup>.

Quá trình bầu cử các thành viên Hạ viện cũng có nghĩa gián tiếp bầu ra tướng Chính phủ. Mỗi đại biểu chỉ tranh cử trong khu vực của mình. Vì vậy, Thủ tướng Anh được bầu ra bởi một nhóm cử tri ở một khu vực bầu cử với số lượng nhỏ hơn rất nhiều so với Tổng thống Mỹ. Ở Anh, tên của các lãnh đạo đảng xuất hiện trên lá phiếu bầu cử chỉ ở một khu vực bầu cử Hạ viện. Năm 1997, Tony Blair là ứng cử viên đảng Lao động bầu vào Nghị viện chỉ ở khu vực bầu cử Sedgefield (một quận thuộc đông bắc England gần với Durham, nơi ông sinh ra và trưởng thành). Các cử tri ở các khu vực bầu cử khác muốn ủng hộ Blair làm Tổng thống sẽ phải bỏ phiếu cho ứng cử viên đảng Lao động ở khu vực bầu cử của mình với hy vọng rằng, các ứng cử viên đảng Lao động sẽ giành được đa số các khu vực bầu cử một thành viên này. Ngược lại, tất cả các cử tri Mỹ đều có cơ hội lựa chọn Tổng thống từ các ứng cử viên cạnh tranh nhau trong cuộc tổng tuyển cử.

<sup>1</sup> Dennis Kavanagh, *British Politics continuities and change*, Oxford University Press, 1998, tr 120.

<sup>2</sup> Dennis Kavanagh, *British Politics continuities and change*, Oxford University Press, 1998, tr 94.

Tất cả các đảng chính ở Anh đều có các quy trình rõ ràng để chọn ra lãnh đạo đảng. Đảng Lao động sử dụng quy trình dân chủ hơn đảng Bảo thủ trong việc lựa chọn lãnh đạo và hình thành chính sách. Theo những luật lệ được chấp nhận năm 1993, lãnh đạo đảng và các trợ lý giúp việc được lựa chọn bởi một liên đoàn bầu cử gồm 3 thành phần có số phiếu ngang nhau: các thành viên đảng Nghị viện; các đảng viên khu vực bầu cử và công đoàn, trong khi đảng Bảo thủ chỉ có những đảng viên Nghị viện mới có quyền bầu ra lãnh đạo đảng, tuy họ có tìm kiếm quan điểm của đảng viên khu vực bầu cử.

#### ***Quy trình bầu lãnh đạo đảng của đảng Bảo thủ***

Các ứng cử viên cần có sự ủng hộ của 10 % các đảng viên Nghị viện đảng Bảo thủ mới được tham gia bầu. Chỉ có các đảng viên Nghị viện mới có quyền bầu ra lãnh đạo đảng.

- Lần bỏ phiếu thứ nhất, người chiến thắng cần phải có một đa số phiếu, đồng thời phải vượt lên một tỷ lệ 15% đối với đối thủ cạnh tranh gần nhất.

- Lần bỏ phiếu thứ hai được thực hiện nếu lần bỏ phiếu thứ nhất chưa có kết quả. Trong lần này các ứng cử viên mới có thể tham gia, các ứng cử viên cũ có thể tiếp tục hoặc rút lui. Người chiến thắng chỉ cần đạt được đa số phiếu.

- Lần bỏ phiếu thứ ba được tiến hành nếu lần thứ hai chưa có kết quả. ở lần này chỉ có hai người đứng đầu ở hai lần bỏ phiếu

trước được tham dự. Nếu kết quả ngang nhau sẽ tiếp tục bỏ phiếu.<sup>3</sup>

#### ***Quy trình bầu cử lãnh đạo đảng của đảng Lao động***

Các ứng cử viên của đảng Lao động phải có sự ủng hộ của 12,5% các thành viên đảng Nghị viện để bầu ra lãnh đạo đảng khi hết nhiệm kỳ, hoặc 20% nếu muốn cạnh tranh với lãnh đạo đảng đang đương nhiệm. Đảng Lao động sử dụng hệ thống bầu cử ưu tiên. Để chiến thắng ngay, ứng cử viên phải giành được trên 50% số phiếu tính trung bình của 3 thành phần liên đoàn bầu cử. Nếu không đạt được kết quả ngay lần đầu, những người có số phiếu thấp nhất bị loại bỏ và tiếp tục bầu lại.<sup>4</sup>

Lãnh đạo đảng trong thời gian làm Thủ tướng không thể bị bãi bỏ trừ khi đại hội đảng hàng năm yêu cầu. Nếu như lãnh đạo đảng, đồng thời là Thủ tướng bị chết hoặc vắng mặt trong nhiệm kỳ của mình thì nội các sẽ chọn một trong số thành viên nội các đảm nhiệm chức vụ Thủ tướng cho đến khi liên đoàn bầu cử đảng chọn được người mới.

Luật của Anh quy định bầu cử Hạ Nghị viện sẽ thực hiện ít nhất năm năm một lần. Tuy nhiên các Thủ tướng có thể kêu gọi một cuộc bầu cử trước, trước khi đủ một nhiệm kỳ năm năm. Nếu như dư luận công chúng ủng hộ Chính phủ, động lực để thực hiện cuộc bầu cử trước là rất cao. Khi Thủ tướng

<sup>3</sup> Dennis Kavanagh, *British Politics continuities and change*, Oxford University Press, 1998, tr 108.

<sup>4</sup> Dennis Kavanagh, *British Politics continuities and change*, Oxford University Press, 1998, tr 108.

được sự phê chuẩn tượng trưng của Nữ Hoàng và tuyên bố ngày bầu cử, giai đoạn tranh cử chính thức bắt đầu với hai quy định pháp lý quan trọng: Cuộc bầu cử sẽ tiến hành trong khoảng từ 3 đến 4 tuần kể từ khi có thông báo của Thủ tướng; Hạ Nghị viện chính thức “bị giải tán” trong thời gian đó. Vì vậy không luật mới nào có thể được thông qua trong thời kỳ này. Ở Mỹ, Quốc hội và Tổng thống có thể tiếp tục lập pháp trong suốt chiến dịch tranh cử và thường làm như vậy với mục đích gây ảnh hưởng tới các cử tri.

### 3. Vận động bầu cử, tranh cử vào Hạ viện

Trong các chiến dịch tranh cử, các đảng đưa ra khẩu hiệu bầu cử, phác thảo cương lĩnh chính sách cam kết thực hiện nếu trúng cử. Việc xây dựng khẩu hiệu được các đảng chính trị Anh thực hiện nghiêm túc hơn các đảng Mỹ. Các lãnh đạo đảng coi những cam kết của khẩu hiệu bầu cử như là một hợp đồng giữa đảng và các cử tri của mình. Khẩu hiệu bầu cử còn được thiết kế để thuyết phục các cử tri, đưa ra những giải pháp cho những lĩnh vực chính sách cụ thể. Đây cũng là cơ sở cho đảng đối lập chỉ trích khi Chính phủ được thành lập đưa ra những chính sách trái ngược với cam kết ban đầu.

Nghiên cứu khẩu hiệu bầu cử của các đảng cho thấy rằng các đảng khác nhau về nhiều vấn đề về chính sách, chẳng hạn về sở hữu nhà nước, về chi tiêu công cộng, về thuế. Đảng Lao động thuyết phục cử tri thông qua các tiêu chí bình đẳng, phân phối lại và công

bằng xã hội. Đảng Bảo thủ đề cập đến trách nhiệm cá nhân, tự do, những lợi ích và kinh doanh. Những áp lực tạo ra sự khác nhau này xuất phát từ tư tưởng và truyền thống của đảng, cân nhắc đến sự ủng hộ bầu cử (đặc biệt giữa những người đang ủng hộ và những cử tri tiềm năng), phản hồi những chính sách mà đảng cầm quyền đang thực hiện, và nhu cầu cần phải điều chỉnh chính sách đã được thiết lập của đảng.

Mặt khác, ở Anh, với đặc trưng là tính kỷ luật đảng cao nên các cử tri luôn tin tưởng rằng ứng cử viên của đảng luôn luôn ủng hộ vị trí của đảng. Do vậy tính cách của mỗi cá nhân ít khi là nhân tố quan trọng trong bầu cử. Các cử tri lựa chọn các ứng cử viên của họ trên cơ sở của Đảng. Tuy nhiên, sự vận động của bản thân các ứng cử viên cũng góp phần không nhỏ vào việc thuyết phục các cử tri.

Những luật lệ chặt chẽ về thời gian và kinh phí được áp dụng trong suốt thời gian tranh cử chính thức ở Anh. Chỉ trong những tuần này, các đảng và ứng cử viên mới có thể chi phí cho quảng cáo và gắn kết với mục đích bầu cử. Hầu hết tiền quảng cáo là dành cho các bản thông cáo và yết thị vì luật của Anh cấm quảng cáo chính trị trên vô tuyến và đài phát thanh. Nhà nước cung cấp cho mỗi đảng một thời gian quảng bá miễn phí nhất định trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian tranh cử. Ở Mỹ, các ứng cử viên và các đảng có thể tùy ý sử dụng tiền vào tranh cử vào bất kỳ thời gian nào và có thể mua bất kỳ chương trình quảng cáo

nào trên truyền thông của quốc gia hay địa phương nếu họ có thể. Hơn nữa, ở đây thời gian tranh cử không bị giới hạn một cách chính thức.

Tuy nhiên, không có giới hạn về mặt pháp lý về việc đảng sử dụng bao nhiêu tiền cho tranh cử. Trong những năm gần đây, chi phí cho tranh cử đã tăng vọt, đặc biệt khi các đảng Anh áp dụng công nghệ bầu cử của Mỹ như thuê các công ty quảng cáo đắt tiền và sử dụng các tài liệu quảng cáo màu mè. Vì vậy, cả hai đảng Bảo thủ và Lao động rơi vào tình trạng nợ nần suốt những năm 1990. Chẳng hạn năm 1997, chi tiêu của cơ quan đảng cấp trung ương cho bầu cử của đảng Bảo Thủ là 28,3 triệu bảng, đảng Lao động là 26 triệu và đảng Dân chủ Tự do là 3,2 triệu<sup>5</sup>. Đây cũng là nguyên nhân đảng cần tới sự đóng góp và ủng hộ kinh phí của các nhóm lợi ích, các cá nhân. Hệ quả là đảng không tránh khỏi việc chịu ơn đối với những ân nhân lớn của mình và phải tính toán, nhượng bộ, thoả hiệp với các nhóm này trên nhiều lĩnh vực chính sách. Một cuộc tranh luận đầu tiên của Blair với tư cách là Tổng thống đã bùng nổ khi một nhà đóng góp kinh doanh giàu có được trao cho quyền miễn thuế đặc biệt từ luật cấm quảng cáo thuốc lá.

Các hoạt động tranh cử hiện nay dựa nhiều vào các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này đòi hỏi các chính đảng phải tiến hành các hoạt động chính trị kiểu tập trung nhiều tiền vốn và phải có nhiều nhân

viên chuyên nghiệp tham gia; Hình thành đặc điểm chuyên nghiệp hoá và trung ương hoá vận động bầu cử, biểu hiện cụ thể ở hai mặt là: “chuyên môn hoá” những người công tác đảng và “trung ương hoá” cơ cấu tổ chức. Để thích ứng với nhu cầu tranh cử hiện đại, đòi hỏi phải có nhiều nhà nghiên cứu chính sách, nhiều nhà phân tích dư luận, nhiều nhà tư vấn quảng cáo, tuyên truyền, thiết kế hình tượng chuyên nghiệp. Cho đến nay chưa có cuộc tuyển cử nào có sự tranh luận trực tiếp của các lãnh đạo đảng “mặt đối mặt” trên vô tuyến. Tuy nhiên, các lãnh đạo đảng tham dự trực tiếp vào các cuộc tranh cãi nhau trên truyền hình hàng tuần tại Hạ viện. Công chúng biết rõ thời gian chất vấn Thủ tướng. Vì vậy, các lãnh đạo của những đảng này hoàn toàn được công chúng biết đến từ rất lâu trước khi cuộc bầu cử tiến hành.

Ở Anh các công dân tham gia bầu cử là tự nguyện và không bị gò bó, mức độ tham gia phụ thuộc vào sở thích và động cơ của mỗi công dân. Các công dân Anh được mong đợi quan tâm đến các quá trình chính trị, được thông báo về các vấn đề và các đảng để có khả năng quyết định hợp lý trong khi đấu tranh với các ứng cử viên trong thời gian bầu cử. Các cử tri không quan tâm và không am hiểu sẽ ít có cơ hội lựa chọn đúng ứng cử viên ủng hộ các vấn đề ưu tiên của họ. Sự phân chia rõ ràng giữa một đảng Chính phủ và đảng đối lập cũng giúp cho cử tri dễ dàng lựa chọn ủng hộ, hay chống Chính phủ đương nhiệm.

<sup>5</sup> Bill Jones & Dennis Kavanagh, *British politics today*, Manchester University Press, 1998, tr 74.

Cũng như ở các nền dân chủ khác, mức độ tham gia bầu cử ở Anh nói chung là thấp và được coi là hoàn toàn bình thường khi có một nhóm nhỏ các công dân quan tâm và tham gia vào chính trị. Thực tế, thậm chí đây là điều mong muốn của chế độ dân chủ dựa trên sự tham gia của công chúng. Tỷ lệ tham gia cao được gắn với sự căng thẳng về mặt chính trị, về sự khủng hoảng chính trị nghiêm trọng. Khối quần chúng rộng lớn, chỉ được huy động khi họ cảm thấy bị đe dọa. Hoạt động chính trị phản kháng tăng lên, gọi sự bất mãn tăng lên với các vấn đề kinh tế của đất nước, các tỷ lệ thất nghiệp cao hơn và sự căng thẳng chủng tộc. Vì vậy vấn đề đặt ra đối với cả hai đảng là làm thế nào để duy trì sự tham gia của nhân dân theo xu hướng tích cực trong các hoạt động chính trị.

Nếu như trước đây các cử tri thường lựa chọn một đảng và bỏ phiếu đều đặn cho đảng đó thì ngày nay, sự lựa chọn phụ thuộc vào quan điểm của các đảng về những vấn đề cụ thể. Các cử tri của giai cấp công nhân có khuynh hướng bỏ phiếu cho các ứng cử viên của Công Đảng và các cử tri thuộc tầng lớp trung lưu ủng hộ các ứng cử viên thuộc đảng Bảo thủ. Song sự phân chia này không cứng nhắc, một số lớn thành viên của giai cấp công nhân lại bỏ phiếu cho đảng Bảo thủ và cũng không ít những người thuộc giai cấp trung lưu, thậm chí thượng lưu lại đều đặn bỏ phiếu cho đảng Lao động. Ngày nay, các chính đảng giảm bớt sự coi trọng và tin cậy quá nhiều vào một tầng lớp giai cấp xã hội nào đó, chuyển sang thu hút rộng rãi hơn

những người ủng hộ trong toàn thể thành viên xã hội.

Kết quả bầu cử theo phương thức đa số tương đối của Anh đôi khi tạo ra một tỷ lệ không tương xứng giữa các đảng về % tổng số phiếu và % số ghế có được ở Hạ viện. Sự không tương xứng này rất lớn, chẳng hạn cuộc bầu cử năm 1997, đảng Bảo Thủ chiếm 30,7% số phiếu, nhưng chỉ có 25,7% số ghế ở Hạ viện; Trong khi đó đảng Lao động với 43,2% số phiếu, nhưng lại chiếm tới 65,2 số ghế; Đảng Dân chủ tự do có 16,8 số phiếu và chỉ có 7,2% số ghế; Các đảng khác có 9,3% số phiếu và chỉ được 1,9% số ghế.<sup>6</sup> Hệ thống bầu cử này loại trừ các đảng nhỏ. Các đảng nhỏ có thể có sự ủng hộ cơ bản tính trên toàn quốc, nhưng các ứng cử viên không có đủ số phiếu để chiến thắng tại khu vực bầu cử. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tính đại diện ở Hạ viện thấp.

Hệ thống bầu cử đa số tương đối với đơn vị bầu cử một thành viên là một trong những nguyên nhân chính giải thích tại sao hệ thống chính trị Anh có xu hướng thống trị bởi hai đảng lớn. Hệ thống bầu cử này trừng phạt các đảng nhỏ. Nhiều nhà quan sát, trên thực tế đã mô tả Anh như là hệ thống hai đảng. Tuy nhiên các đảng khác cũng có liên quan trong các quá trình chính trị, có vai trò đáng kể hơn so với các đảng khác ở Mỹ. Nếu nước Anh chấp nhận hệ thống bầu cử theo tỷ lệ, ba hoặc nhiều đảng hơn sẽ có vai trò lớn hơn

<sup>6</sup> Bill Jones & Dennis Kavanagh, *British politics today*, Manchester University Press, 1998, tr 90.

trong Chính phủ so với vai trò của chúng hiện nay. Song điều này cũng buộc nước Anh phải tính đến việc xếp đặt lại một cách đáng kể quá trình cai trị. Hệ thống đại diện theo tỷ lệ có thể tạo ra nhiều công bằng hơn về đại diện theo số phiếu ở Hạ viện, nhưng nó cũng tạo ra khó khăn cho việc thiết lập Chính phủ, và có thể dẫn đến sự chia rẽ nội bộ cũng như thiếu ổn định hơn. Việc có một đại diện bình đẳng hơn ở Hạ viện cũng có thể làm tăng khả năng bế tắc của Chính phủ nếu Chính phủ liên hiệp hoặc các thành viên liên minh ở Nghị viện không đạt được sự thống nhất.

#### 4. Nhận xét chung

Hệ thống chính trị Anh có khuynh hướng tạo ra những nhà lãnh đạo chính trị có kinh nghiệm nghị trường và là người điều hành đảng chuyên nghiệp. Vai trò quan trọng của đảng trong hệ thống chính trị buộc các nhà lãnh đạo đảng cũng như các nhà hoạt động đảng chuyên nghiệp phải nắm được những công đoạn, kỹ năng và kinh nghiệm hoạt động đảng, hoạt động nghị trường. Do đó *tính chuyên nghiệp đảng phái ở Anh* là sự khác biệt nổi bật với hệ thống chính trị Mỹ. Mỹ không chỉ thiếu một lãnh đạo đảng chính thức mà người ứng cử vị trí Tổng thống ngày càng được các cử tri lựa chọn trong các cuộc bầu cử sơ bộ, hơn là được lựa chọn bởi các nhà chính trị, đảng. Trong khi đó ở Anh, một ứng cử viên nào muốn vào Hạ viện thì điều đầu tiên phải có được sự chỉ định chính thức của đảng, đứng ở cương vị là đại diện của đảng đó (tuy người đó có thể tự ứng cử một

cách độc lập). Hệ thống này hầu như không có cơ hội cho những người ngoài đảng.

Cho dù đảng chính trị đóng vai trò trung tâm trong quá trình bầu cử Hạ Nghị viện Anh, nhưng quyền quyết định tối cao “ai là người chiến thắng”, ai là người cầm quyền vẫn thuộc về cử tri. Sự tồn tại của hệ thống hai đảng nổi trội của Anh đã tạo ra tính cạnh tranh trong quá trình bầu cử. Sự cạnh tranh giữa hai đảng cùng với quyền quyết định của cử tri là các yếu tố quan trọng buộc đảng cầm quyền lẫn đảng đối lập luôn phải tính đến trách nhiệm của mình trước cử tri và nhân dân. Để đảm bảo được sức mạnh của đảng và do đó giành được sự tín nhiệm của cử tri, các đảng chính trị cũng phải thiết lập và tuân thủ nguyên tắc cạnh tranh trong chính nội bộ đảng để lựa chọn được những người tài giỏi vào các vị trí lãnh đạo quan trọng, đồng thời là các ứng cử viên sáng giá của đảng ra tranh cử. Đây là vấn đề có tính chất sống còn của mỗi đảng. Nếu đảng nào không lựa chọn được các ứng cử viên đủ tín nhiệm với cử tri, mà lượng hóa cụ thể là số phiếu bầu thì cũng đồng nghĩa với sự thất bại, không giành được vị trí cầm quyền. Vì vậy, cách thức, quy trình lựa chọn ứng cử viên đều được các đảng coi trọng và thể chế hóa thành những luật lệ, quy định chặt chẽ, khách quan, đáp ứng tốt nhất mục tiêu đặt ra.

Việc vận động tranh cử ở Anh được quy định khá chặt chẽ về mặt tài chính, thời gian. Nó hạn chế đáng kể sự lãng phí, tốn kém trong bầu cử cũng như các hiện tượng tiêu cực sau khi bầu cử. Tuy nhiên, sự tuyên



truyền, vận động làm cho các cử tri hiểu rõ hơn về cương lĩnh và chính sách tranh cử của mỗi đảng, về các ứng cử viên là cần thiết và được chú trọng.

Việt Nam, với hệ thống chính trị một đảng lãnh đạo duy nhất, vấn đề đặt ra trong bầu cử Quốc hội là làm thế nào tạo được tính cạnh tranh trong nội bộ đảng. Đảng lãnh đạo công tác cán bộ, Đảng giới thiệu cán bộ của đảng ra ứng cử vào Quốc hội là hoàn toàn hợp lý. Điều quan trọng lại nằm ở khía cạnh, đảng lựa chọn ra các ứng cử viên này như thế nào. Liệu những người được đảng giới thiệu nằm trong danh sách ứng cử viên ở mỗi khu vực bầu cử đã thực sự là những người xứng đáng nhất của Đảng và xã hội chưa<sup>7</sup>. Công tác cán bộ của Đảng, quy trình lựa chọn các ứng cử viên để đảm bảo tính cạnh tranh, lựa chọn các ứng cử viên sáng giá của Đảng vẫn là vấn đề đặt ra cần có lời giải đáp.

Mặt khác, khi không có sự cạnh tranh, thúc ép của một đảng đối lập, việc giới thiệu các ứng cử viên dễ mang yếu tố chủ quan, cá nhân, do đó có thể bất hợp lý. Việc lựa chọn ứng cử viên của Đảng hầu như không phải chịu sự cạnh tranh, phản biện và có thể bị thay thế từ bên ngoài Đảng. Nếu như ứng cử viên này không trúng, ứng cử viên khác trúng vẫn là đảng viên của Đảng, nằm trong sự

quản lý của Đảng và điều quan trọng là Đảng vẫn nắm quyền lãnh đạo. Như vậy, vô hình chung, Đảng chưa xây dựng được cơ chế phản hồi có hiệu quả từ bên ngoài, từ cử tri, nhân dân về cán bộ của Đảng cũng như về sự lãnh đạo, cầm quyền của mình. Đây là mặt trái, hạn chế của công tác cán bộ của Đảng nói chung và bầu cử Quốc hội nói riêng.

Trong nhiệm kỳ bầu cử Quốc hội khóa XI, số lượng các ứng cử viên tự ứng cử cao hơn nhiều so với khóa trước. Sau hội nghị hiệp thương lần thứ hai, trong danh sách sơ bộ người ứng cử đại biểu Quốc hội, số người tự ứng cử là 238 người chiếm hơn 17,6% (238 người / tổng số 1.323 người)<sup>8</sup>, cùng với xu hướng mở rộng thành phần đại biểu Quốc hội là người ngoài Đảng hiện đang là yếu tố tích cực, tạo nên sự cạnh tranh cần thiết, nhất định đối với các ứng cử viên của Đảng. Trong hệ thống một đảng cầm quyền, muốn khắc phục sự chuyên quyền, chủ quan, trì trệ trong hoạt động của Đảng và Nhà nước thì phải tạo được sự cạnh tranh và phản biện xã hội. Do vậy, việc tự ứng cử đại biểu Quốc hội nên được khuyến khích và ủng hộ từ phía Đảng, nhà nước và xã hội. Khi đó Đảng vừa thu hút được những người tài giỏi trong xã hội tham gia công việc của nhà nước, vừa tăng tính chính đáng của sự cầm quyền của Đảng, vừa nâng cao tính đại diện của Quốc hội.

<sup>7</sup> “Chẳng hạn Trần Mai Hạnh, tuy đã vi phạm từ nhiệm kỳ khoá VIII, vẫn “lọt lưới” tái trúng cử Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX; Bùi Quốc Huy, vẫn được đề bạt, chức vụ quan trọng đầy người; Phạm Sĩ Tiến, từng có nhiều tố cáo khi là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. Nếu như vụ án Năm Cam không bị vỡ lở thì liệu những con người này sẽ còn thăng tiến tới đâu” (Tập chí Kiểm tra, số 7/2003, tr 6,7).

<sup>8</sup> *Tập trung làm tốt công việc chuẩn bị cho Hội nghị hiệp thương lần thứ ba*, Báo Nhân dân, thứ hai, ngày 26/3/2007, tr 5.